

**UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *263* /SLĐTBXH-BVCSTE&BDG

Quảng Trị, ngày *19* tháng 02 năm 2019

V/v báo cáo đánh giá thực hiện mục tiêu quốc gia về Bình đẳng giới năm 2018

Kính gửi:

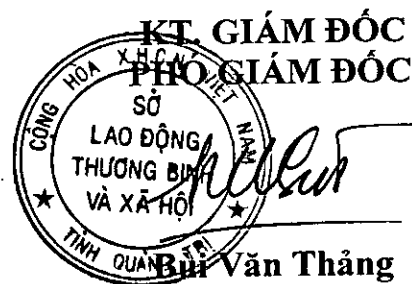
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên toàn tỉnh.

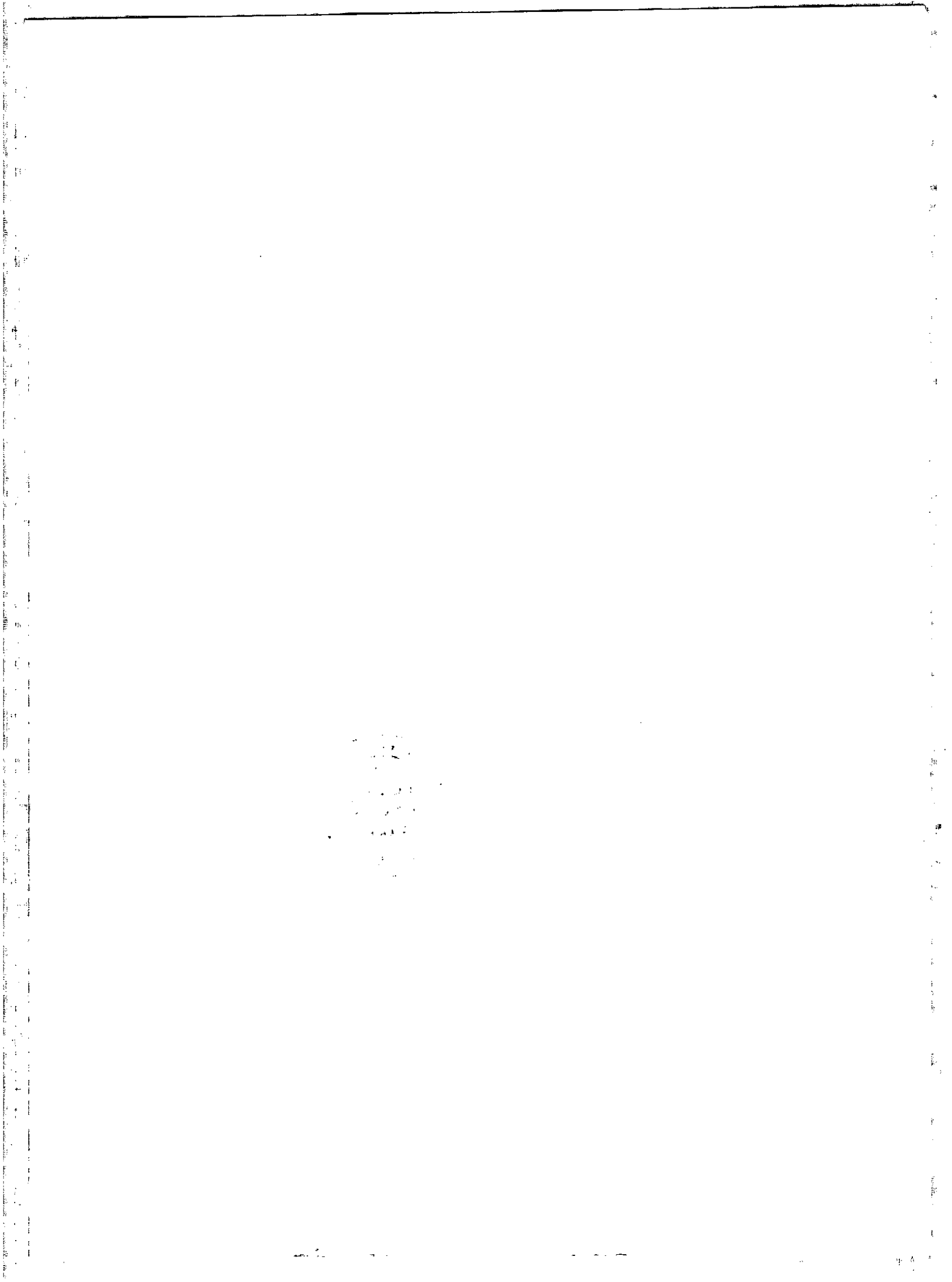
Thực hiện Công văn số 539/UBND-VX ngày 12 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo đánh giá thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2018; trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới của đơn vị, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo các nội dung liên quan theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*đề cương báo cáo kèm theo*).

Văn bản báo cáo gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Phòng Bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Bình đẳng giới; điện thoại: 0233.3852.741; email: *treemvabinhdanggioiquangtri@gmail.com*) trước ngày **03/03/2019**, để Sở tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo theo đúng thời hạn quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BVCSTE&BDG.





**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **539** /UBND-VX

Quảng Trị, ngày **12** tháng **02** năm 2019

V/v báo cáo đánh giá thực hiện
mục tiêu quốc gia về BĐG năm 2018

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Ngày 29/01/2019, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 485/LĐTBXH-BĐG V/v chuẩn bị báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2018 (Sao gửi kèm theo).

UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2018 trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn nêu trên. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, VX.

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Lê Nguyên Hồng



**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **485** /LĐTBXH-BĐG

Hà Nội, ngày **29** tháng 01 năm 2019

V/v chuẩn bị báo cáo tình hình thực hiện
mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới
năm 2018

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Điều 25 Luật bình đẳng giới và Điều 13 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về việc hàng năm Chính phủ báo cáo Quốc hội về tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới, căn cứ Nghị quyết số 59/2018/QH14 ngày 12/6/2018 của Quốc hội về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2019, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Quý cơ quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo đơn vị chức năng chuẩn bị Báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia bình đẳng giới năm 2018 thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng đề nghị Quý cơ quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Vụ Bình đẳng giới và gửi bản mềm qua địa chỉ thư điện tử: vubdg@molisa.gov.vn) trước ngày 15/3/2019 để tổng hợp, trình Chính phủ.

(Chi tiết tại đề cương báo cáo gửi kèm theo Công văn này và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại địa chỉ <http://www.molisa.gov.vn>. Thông tin chi tiết liên hệ: Đ/c Nguyễn Thị Nga, chuyên viên Vụ Bình đẳng giới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, điện thoại: 0912308490/024.3266.9943).

Trân trọng cảm ơn././

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTTg Vũ Đức Dam (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố;
- Vụ Khoa giáo - Văn xã (VPCP);
- Công TTĐT của Bộ (để phối hợp);
- Lưu: VT, BĐG.

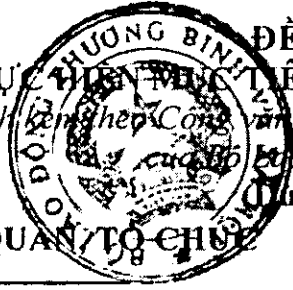
KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hà





Phụ lục 1:

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
VIỆC THỰC HIỆN MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI NĂM 2018
Ban hành kèm theo Công văn số 195/LĐTBXH-BĐG ngày 21 tháng 01 năm 2019
Tập động - Thương binh và Xã hội
(Dùng cho các địa phương)

TÊN CƠ QUAN/TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....-.....

..... ngày tháng năm 2019

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2018

PHẦN I

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI LUẬT BÌNH ĐẲNG GIỚI

1. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới và thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch

a) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bình đẳng giới

Stt	Tên văn bản	Cơ quan ban hành/Cấp ban hành	Ngày ban hành	Hình thức văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo
...

b) Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (LGG) trong xây dựng chính sách, pháp luật

Stt	Tên văn bản được LGG	Nội dung LGG	Cơ quan ban hành	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực	Cơ quan chủ trì soạn thảo
...

2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới

Đề nghị nêu rõ số lượng hoạt động, đối tượng, mục đích truyền thông.

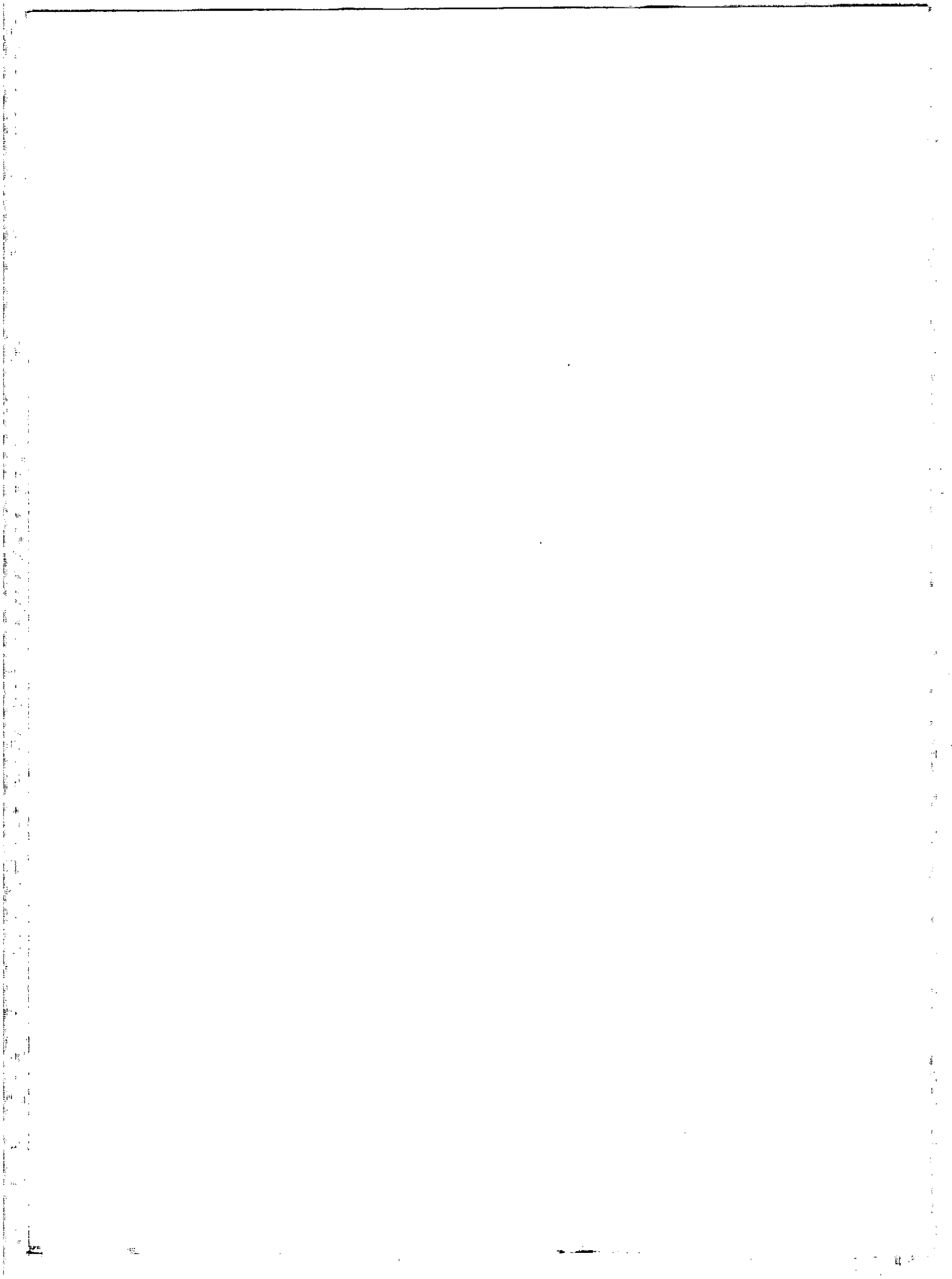
3. Công tác quản lý nhà nước về bình đẳng giới

a) Số lượng cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm làm công tác bình đẳng giới tại cấp tỉnh/huyện/xã

Người làm công tác bình đẳng giới (đơn vị tính: người)								
Trong đó cấp tỉnh			Trong đó cấp huyện			Trong đó cấp xã		
Tổng số	Chuyên trách	Kiểm nhiệm	Tổng số	Chuyên trách	Kiểm nhiệm	Tổng số	Chuyên trách	Kiểm nhiệm

b) Nâng cao năng lực thực hiện công tác bình đẳng giới:

- + Số các lớp tập huấn được tổ chức, nội dung tập huấn
- + Đối tượng tham gia



+ Số lượng người tham gia (có phân tách giới tính)

c) Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới

- Số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra tại địa phương

- Nội dung thanh tra, kiểm tra (ví dụ như: thực hiện chính sách, pháp luật lao động đối với lao động nữ tại các doanh nghiệp, truyền thông, quảng cáo mang định kiến giới...)

- Số lượng các vụ việc bị xử phạt/ hình thức xử phạt/ Mức xử phạt

d) Công tác nghiên cứu, thống kê, công bố thông tin, số liệu

Nêu rõ số lượng các nghiên cứu, công bố thông tin, số liệu về bình đẳng giới

đ) Kinh phí địa phương và huy động dành cho hoạt động bình đẳng giới

Năm	2018		2019		Ghi chú
	Kinh phí thường xuyên	Kinh phí huy động	Kinh phí thường xuyên	Kinh phí huy động	
Kinh phí (triệu đồng)					

e) Hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới

Nêu rõ các hoạt động hợp tác quốc tế về bình đẳng giới hoặc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới đã được triển khai thực hiện tại địa phương

4. Đánh giá tình hình chung triển khai thực hiện Luật Bình đẳng giới

PHẦN II

TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU QUỐC GIA VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

I. Mục tiêu 1

1. Các hoạt động giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị

2. Kết quả thực hiện mục tiêu:

- Số lượng/Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2015 – 2020

- Tỷ lệ nữ tham gia đại biểu Quốc hội

- Tỷ lệ nữ tham gia Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021

- Tỷ lệ nữ lãnh đạo chủ chốt tại Ủy ban nhân dân cấp xã/huyện/tỉnh

- Đối với các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội: số lượng/tỷ lệ nữ giữ chức vụ chủ chốt

3. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

II. Mục tiêu 2

1. Các hoạt động làm giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động

2. Kết quả thực hiện mục tiêu:

Kết quả thực hiện 4 chỉ tiêu của mục tiêu 2 tại địa phương

3. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

III. Mục tiêu 3



1. Các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Kết quả thực hiện 2 chỉ tiêu của mục tiêu 3 tại địa phương (trong đó chỉ tiêu 1 của mục tiêu 3 được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 02/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ)

3. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

IV. Mục tiêu 4

1. Các hoạt động nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe

2. Kết quả thực hiện 4 chỉ tiêu của mục tiêu 4 tại địa phương

3. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

V. Mục tiêu 5

1. Các hoạt động nhằm bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, thông tin.

2. Kết quả thực hiện 2 chỉ tiêu của mục tiêu 5 tại địa phương (trong đó chỉ tiêu 1 của mục tiêu 5 được thay thế theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 02/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ)

3. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

VI. Mục tiêu 6

1. Các hoạt động bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.

2. Kết quả thực hiện các 2 chỉ tiêu của mục tiêu 6 tại địa phương (trong đó chỉ tiêu 2 của mục tiêu 6 được điều chỉnh theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 02/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ)

3. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

VII. Mục tiêu 7

1. Các hoạt động nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới.

2. Kết quả thực hiện các 4 chỉ tiêu của mục tiêu 7 tại địa phương

3. Khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện

PHẦN III

ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được.

2. Khó khăn, vướng mắc.

PHẦN IV

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

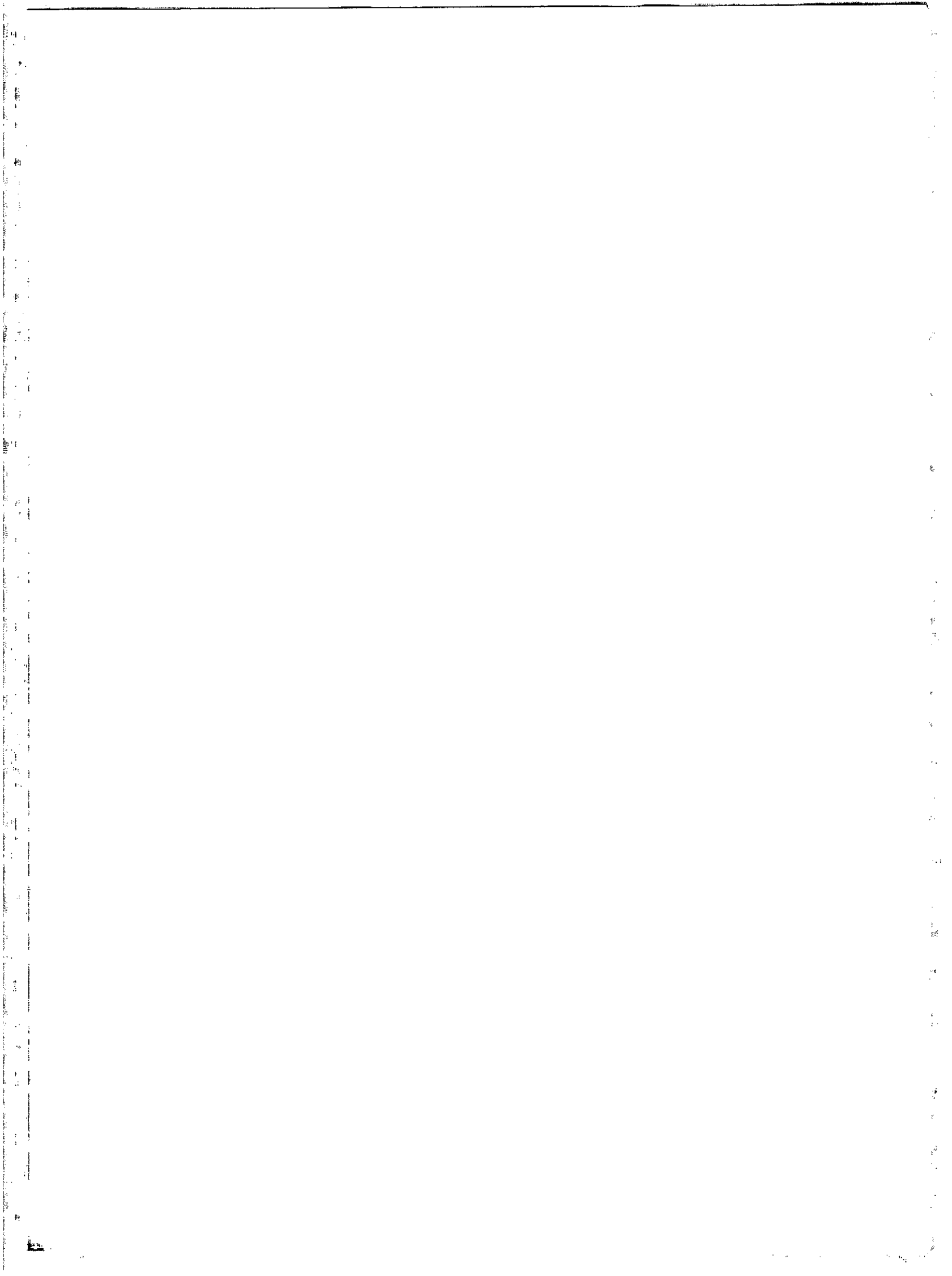
-

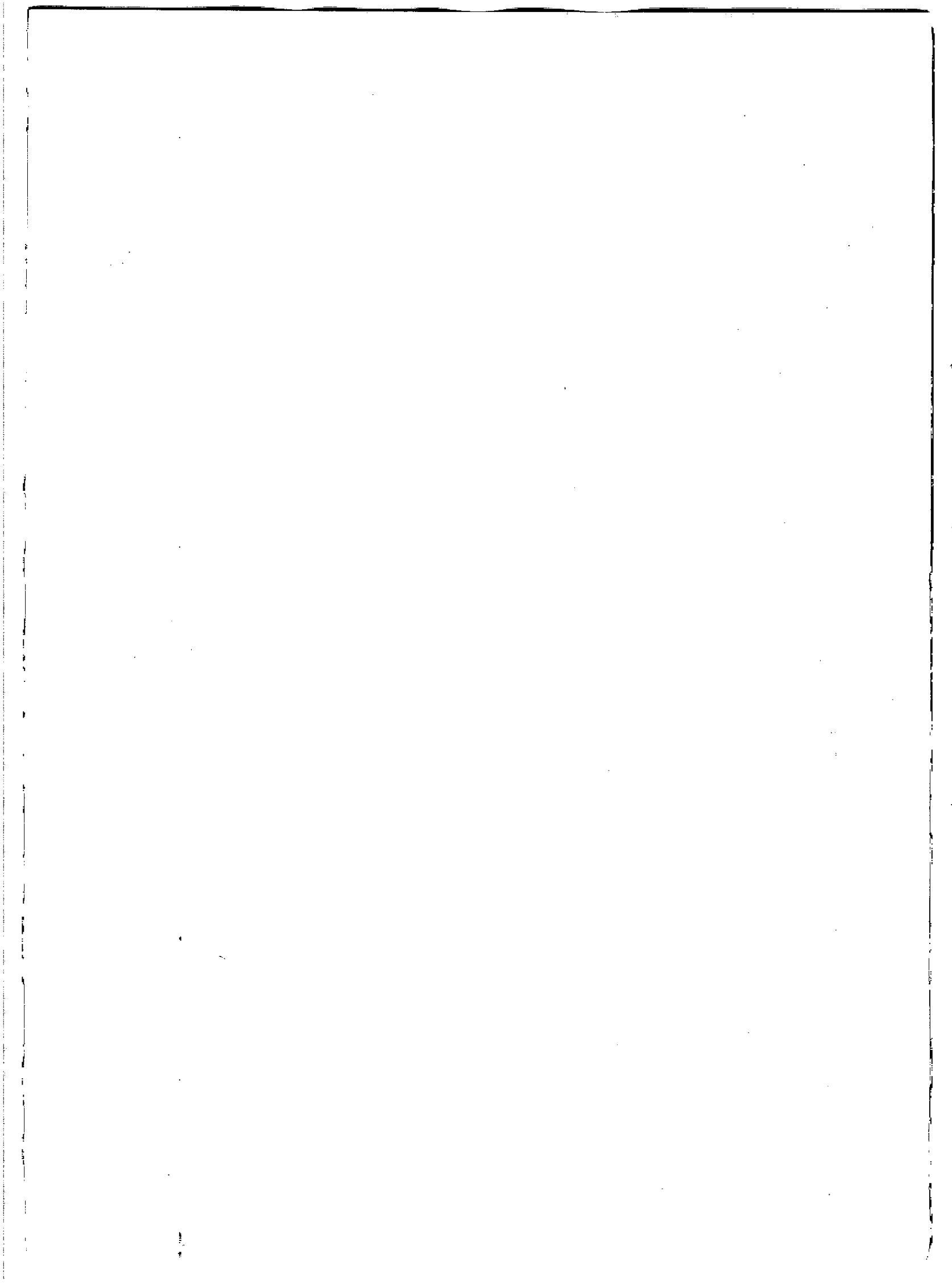
-

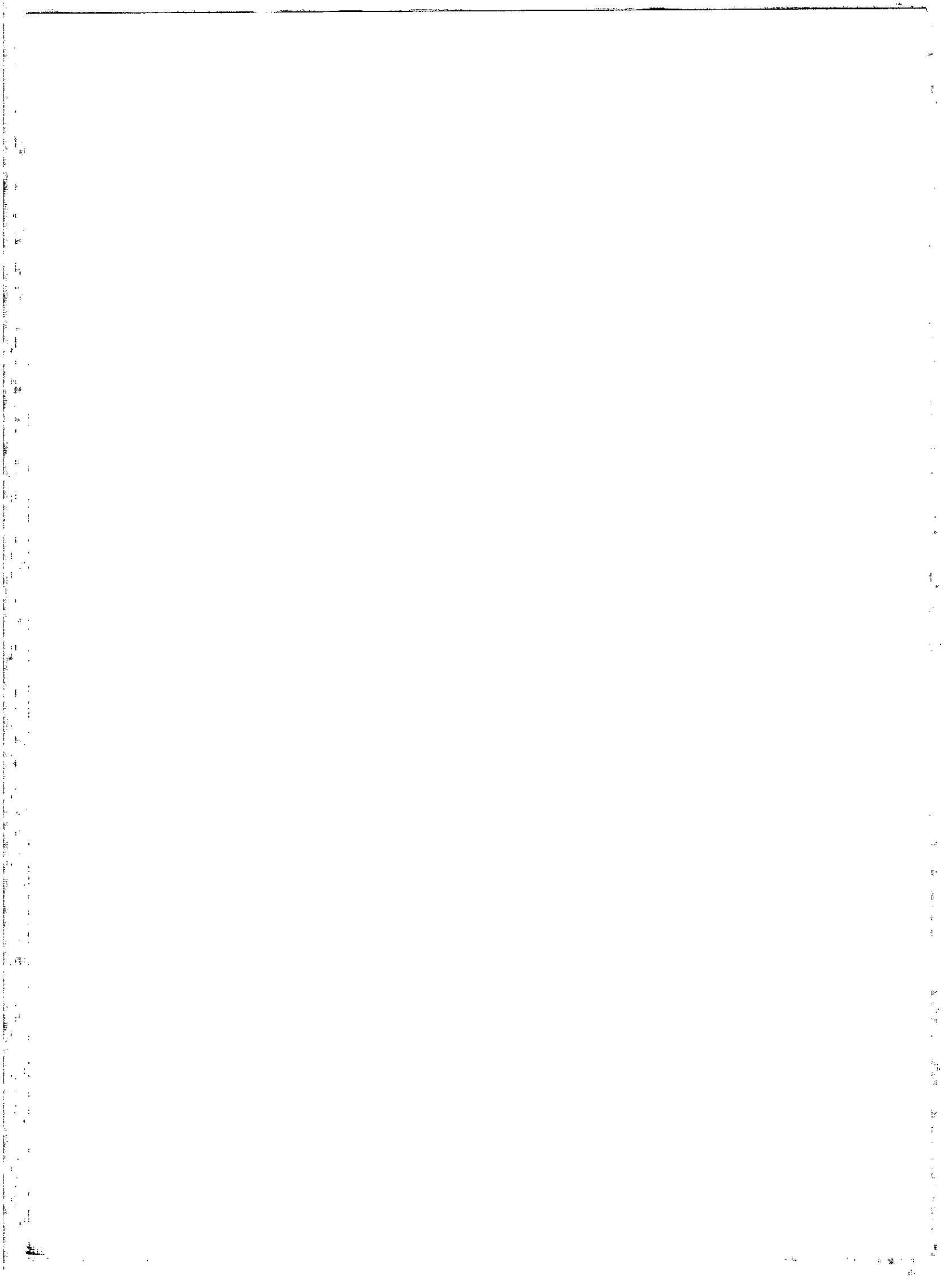
- Lưu: VT.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)



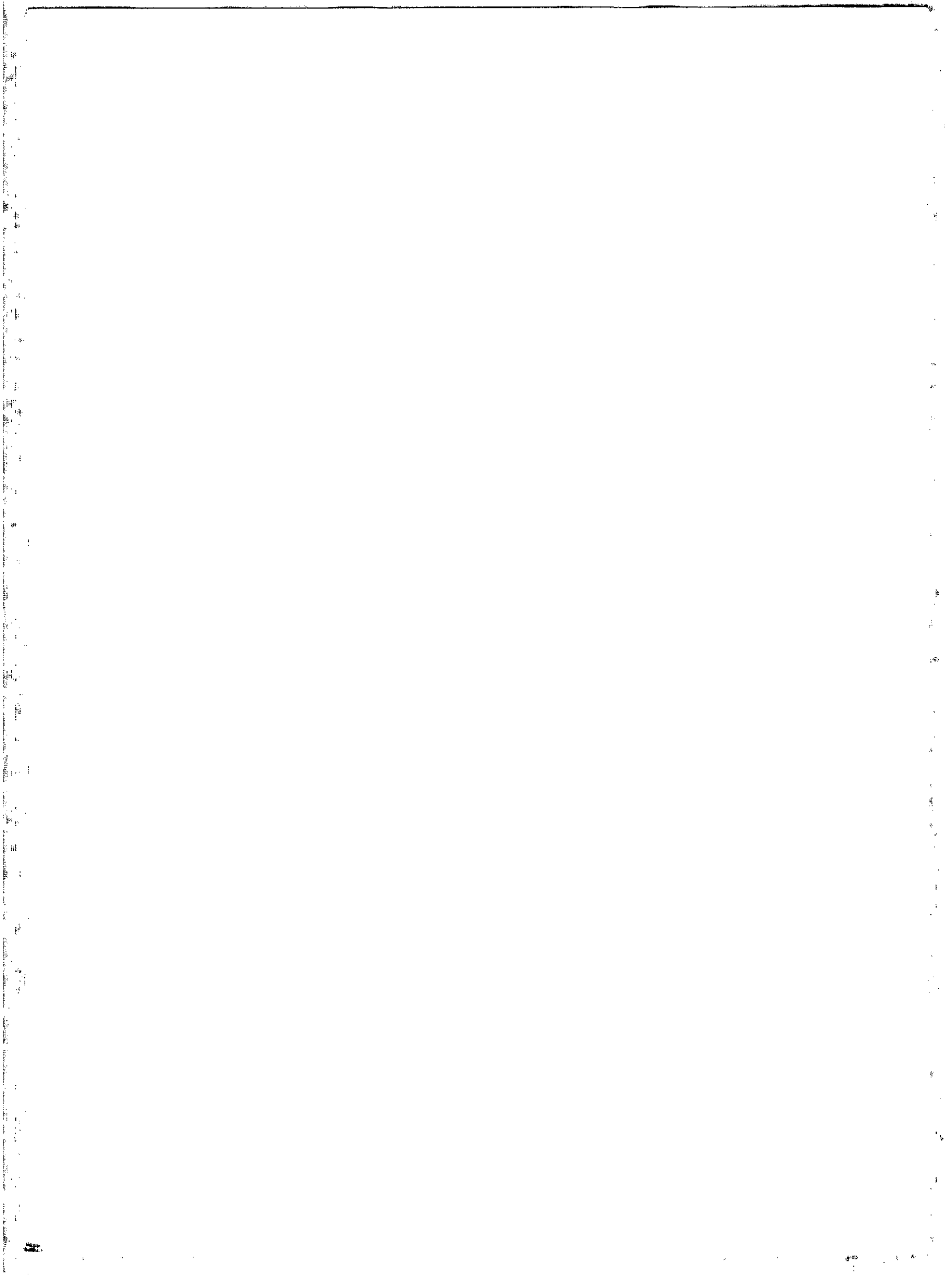




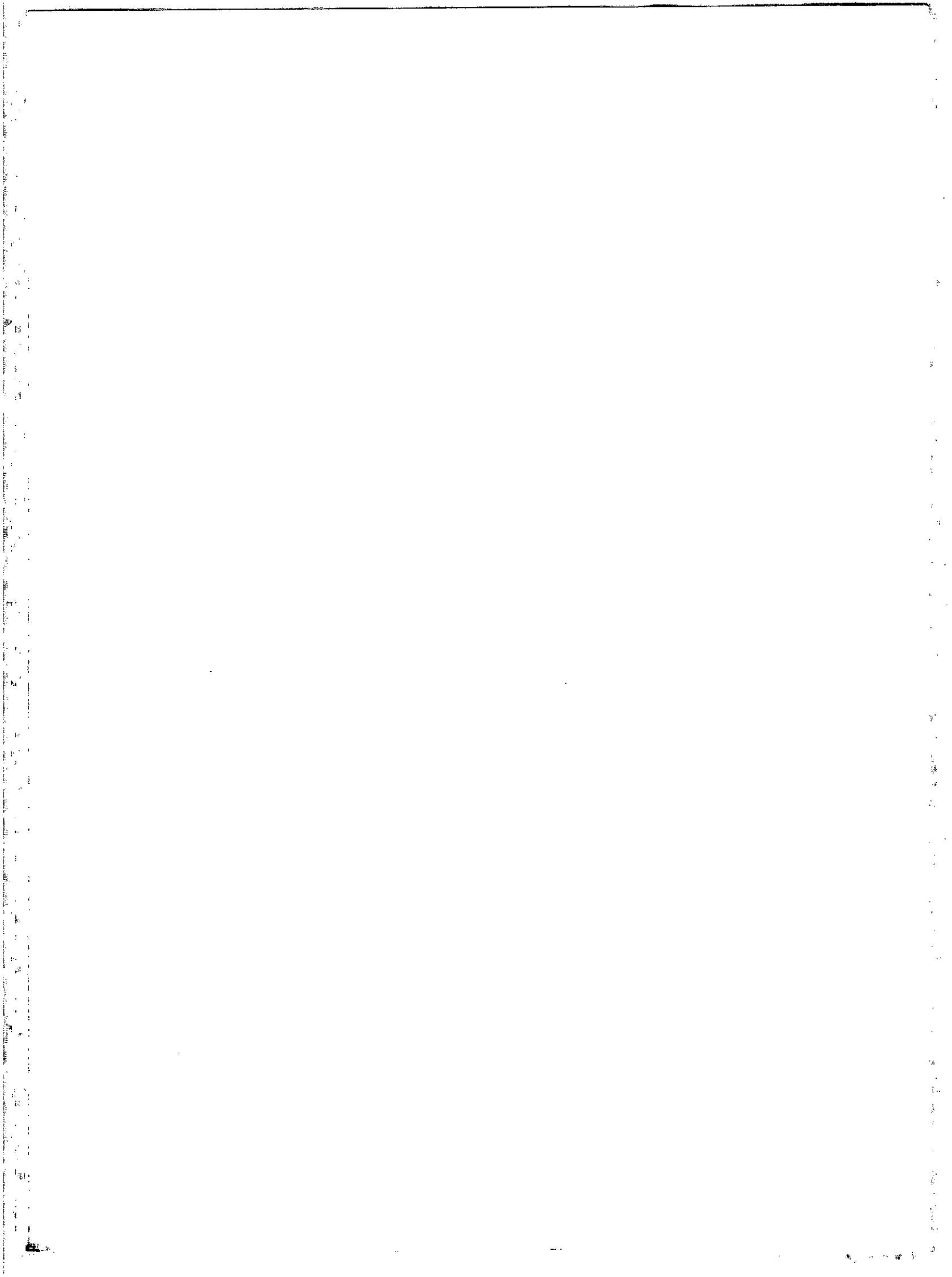
Phụ lục 2:

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU BÌNH ĐẲNG GIỚI TỪ NĂM 2016 ĐẾN NAY
(dùng cho địa phương)**

Mục tiêu, chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.			
- Chỉ tiêu 1: Phân đấu đạt tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2016- 2020 từ 25% trở lên; tỷ lệ nữ ĐBQH, ĐB HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011- 2015 từ 30% trở lên và nhiệm kỳ 2016 - 2020 trên 35%.			
- Chỉ tiêu 2: Phân đấu đến năm 2020 đạt trên 95% UBND các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ.			
- Chỉ tiêu 3: Phân đấu đến năm 2015 đạt 70% và đến năm 2020 đạt 100% cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức CT - XH có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.			
Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.			
- Chỉ tiêu 1: Hằng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ).			
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 35% trở lên vào năm 2020.			
- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật đạt 50% vào năm 2020.			
- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức đạt 100% vào năm 2020.			
Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.			



- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn 95% vào năm 2020.			
- Chỉ tiêu 1: Vào năm 2020, tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt ngang bằng với nam (98%), trong đó tỷ lệ ở 14 tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn đạt 94%, tỷ lệ người dân tộc thiểu số biết chữ đạt 90% (Sửa theo QĐ 800/QĐ-TTg)			
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ thực sỹ đạt 50% vào năm 2020. Tỷ lệ nữ tiến sỹ đạt 25% vào năm 2020.			
Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.			
- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 115/100 vào năm 2020.			
- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản dưới 52/100.000 vào năm 2020.			
- Chỉ tiêu 3: Tăng tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con lên 50% vào năm 2020 so với năm 2010.			
- Chỉ tiêu 4: Giảm tỷ lệ phá thai xuống dưới 25/100 vào năm 2020.			
Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin.			
- Chỉ tiêu 1: Đến năm 2020 giảm 80% sản phẩm văn hoá, thông tin mang định kiến giới. Tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục và số lượng các sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới.			
- Chỉ tiêu 1: Phân đầu hàng tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống thông tin cơ sở tại các xã, phường, thị trấn vào năm 2020 (Sửa theo QĐ 800/QĐ-TTg)			
- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020 có 100% đài phát thanh và đài truyền hình ở trung ương và địa phương có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.			
Mục tiêu 6: Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.			
- Chỉ tiêu 1: Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia			



<p>công việc gia đình của nữ so với nam xuống 1,5 lần vào năm 2020.</p>			
<p>- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020 đạt 50% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình. Đến năm 2020 đạt 85% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.</p>			
<p>- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020 ít nhất 50% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về tâm lý, pháp lý, được hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân của bạo lực gia đình và đạt 75% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (Sửa theo QĐ 800/QĐ-TTg)</p>			
<p>- Chỉ tiêu 3: Đến năm 2020 có 100% số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.</p>			
<p>Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới.</p>			
<p>- Chỉ tiêu 1: Đến năm 2020 có 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.</p>			
<p>- Chỉ tiêu 2: Đến năm 2020 có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.</p>			
<p>- Chỉ tiêu 3: Đến năm 2020 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của</p>			



phụ nữ.

- Chi tiêu 4: Đến vào năm 2015 và duy trì đến năm 2020 có 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần.

--	--	--	--

1891

1892